

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LẠC PHƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Lạc Phượng, ngày

tháng 09 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết liên quan đến người dân, doanh nghiệp lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc chức năng quản lý của UBND xã Lạc Phượng

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc cắt giảm thời gian giải quyết thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

UBND xã Lạc Phượng thông báo niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết liên quan đến người dân, doanh nghiệp lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: 44 thủ tục (theo phụ lục đính kèm).

Nội dung chi tiết được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã Lạc Phượng địa chỉ: <https://lacphuong.haiphong.gov.vn> và niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Lạc Phượng.

Ủy ban nhân dân xã Lạc Phượng thông báo để người dân, doanh nghiệp biết và thực hiện./.

Nơi Nhận:

- Thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- TTPVHCC
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**K/T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phú Trung

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Lạc Phụng)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (06 TTHC)				
1.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	10 ngày	05 ngày	
2.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
3.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
4.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
5.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày	05 ngày	
6.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiệc các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	10 ngày làm việc và 20 ngày	05 ngày làm việc và 10 ngày	
II.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (08 TTHC)				
7.	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

8.	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
9.	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
10.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
11.	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
12.	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
13.	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	10 ngày làm việc và 40 ngày làm việc	05 ngày làm việc và 20 ngày làm việc	
14.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	17 ngày làm việc	13,5 ngày làm việc	
III.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (11 TTHC)				
15.	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định	

16.	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định	
17.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
18.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
19.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
20.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
21.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
22.	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Không quy định	Không quy định	
23.	1.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Không quy định	Không quy định	
24.	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Do sở Giáo dục và đào tạo quy định	Do sở Giáo dục và đào tạo quy định	
25.	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định	

IV.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (02 TTHC)				
26.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	30 ngày và 03 ngày làm việc	15 ngày và 1,5 ngày làm việc	
27.	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	30 ngày và 03 ngày làm việc	15 ngày và 1,5 ngày làm việc	
V.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON (05 TTHC)				
28.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
29.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
30.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
31.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
32.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	10 ngày	05 ngày	
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC (06 TTHC)				
33.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

34.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
35.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
36.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
37.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
38.	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
VII.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (04 TTHC)				
39.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
40.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
41.	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
42.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
VIII.	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (02 TTHC)				
43.	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
44.	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	